TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1306/2024/HC-PT
Ngày 24-12-2024
V/v *Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai thuộc trường hợp thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ.

Bà Trần Thị Thúy Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 24/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 833/2024/TLPT-HC ngày 09/10/2024 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai thuộc trường hợp thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 101/2024/HC-ST ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3458/2024/QĐPT-HC ngày 12/12/2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố D, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Hoàng L, sinh 1993; địa chỉ: Tổ H, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T1, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P. (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Trần Quang L1, Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P; địa chỉ: D đường T, khu phố G, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty TNHH H; địa chỉ: Xóm B, khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh N, Chủ tịch Công ty. (xin xét xử vắng mặt)

+ Ông Lý Thanh T2, sinh năm 1959; địa chỉ: E đường V, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố P, là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Bùi Thanh T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1991, ông T có khai khẩn diện tích đất khoảng 23.669m^2 tọa lạc tại ấp (nay là khu phố) 7, thị trấn (nay là phường) An Thới, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh Kiên Giang, có bờ bao xung quanh thửa đất, trồng tràm bông vàng, tràm úc, không có ai tranh chấp.

Năm 2022, ông T đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố P đã tiếp nhận hồ sơ. Đến hết ngày 31/12/2022, khi liên hệ với Chi nhánh Văn phòng Đ và Phòng T, thì ông T mới biết được một phần diện tích 8.412,22m^2 trong tổng diện tích 23.669m^2 đã bị thu hồi theo Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 31/6/2006 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện P (gọi tắt là Quyết định 2540), nhưng ông T chưa nhận được quyết định thu hồi đất này.

Theo Quyết định 2540 chỉ thu hồi diện tích đất 8.412,22m^2, trong khi đó diện tích ông T khai khẩn là 23.669m^2 được xác định theo sơ đồ trích đo vị trí khu đất, tỷ lệ 1/20.000 do Trung tâm K lập ngày 06/5/2005. Đối với diện tích đất còn lại 15.256,78m^2 chưa có quyết định thu hồi đất.

Năm 2018, Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) xây dựng hàng rào bao chiếm thửa đất của ông T để xây dựng dự án nên ông T đã làm đơn khiếu nại, nhưng không được giải quyết.

Quyết định số 2540 thể hiện thu hồi đất của ông T tại ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang, nhưng thực tế vị trí đất của ông T là tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Việc thu hồi đất nêu trên đã gây thiệt hại đến quyền sử dụng đất của ông T. Các loại cây trồng từ năm 1991 đã bị chặt phá hiện chỉ còn sót lại vài cây nhỏ nên ông T đã trồng thêm tràm.

Do đó, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: (i) Hủy Quyết định 2540; buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất đối với toàn bộ diện tích 23.669m^2 của ông T, đồng thời thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/4/2024, ông T có đơn yêu cầu rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất 15.256,78m^2 (trong 23.669m^2), chỉ giữ yêu cầu đối với phần diện tích 8.412,22m^2.

Trong quá trình giải quyết vụ án, UBND thành phố P có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông T tại Văn bản số 1081/UBND-NCPC ngày 04/6/2024, như sau (tóm tắt):

Ngày 18/4/2004, Hội đồng đền bù giải tỏa giải phóng mặt bằng phối hợp với Trung tâm K tiến hành kiểm kê xác minh diện tích đất đai, vật kiến trúc, cây trồng để thực hiện dự án quy hoạch tái định cư Dương T3 (202ha), trong đó, ông Bùi Thanh T được kê khai với diện tích 8.412,22m^2. Tại Biên bản kiểm kê ngày 18/4/2004 thể hiện: C đào mương bao là 36,6m^2 (61 x 1,2 x 0,5) và có tràm tự nhiên: loại B 57 cây, loại C 20 cây và loại D 150 cây.

Ngày 19/5/2005, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 887/QĐ-UB (gọi tắt là Quyết định 887) về việc thu hồi đất, giao cho UBND huyện P quản lý tại ấp S, xã D, huyện P. Diện tích 202,5 ha đất do Ban Q quản lý (giao UBND huyện quản lý, lập phương án bồi thường giải tỏa và quy hoạch chi tiết xây dựng khu tái định cư).

Từ ngày 19/9/2005 đến ngày 27/9/2005, Hội đồng Tư vấn đất đai thị trấn A và xã D tiến hành họp xét duyệt nguồn gốc đất, trong đó có diện tích 8.412,22m^2 của ông T như sau: *"Đất tự khai phá năm 1996, không giấy thuộc đất rừng phòng hộ"*.

Ngày 12/12/2005, Hội đồng thẩm định tỉnh Kiên Giang có Tờ trình số 95/TTr-HĐTĐ về việc xin phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại hoa màu, cây trồng, vật kiến trúc và trợ cấp để giải tỏa giải phóng mặt bằng khu vực quy hoạch giao chi tiết xây dựng khu tái định cư tại thị trấn A, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 26/12/2005, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2549/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại về đất đai, hoa màu, vật kiến trúc và trợ cấp giải tỏa giải phóng mặt bằng khu vực quy hoạch chi tiết xây dựng khu tái định cư - khu mở rộng tại thị trấn A, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang (khu mở rộng diện tích 57,9ha).

Cùng ngày, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2550/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại về đất đai, hoa màu, vật kiến trúc và trợ cấp giải tỏa giải phóng mặt bằng khu vực quy hoạch chi tiết xây dựng khu tái định cư tại thị trấn A, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang (diện tích 202 ha).

Ngày 31/8/2006, UBND huyện P ban hành Quyết định số 2540, thu hồi đất diện tích 8.412,22m^2 đối với ông Bùi Thanh T. Theo phương án được phê duyệt ông T không được bồi thường, hỗ trợ về đất do nằm trong phạm vi đất rừng phòng hộ, chỉ được bồi thường, hỗ trợ công đào mương bao 36,6m^2 với số tiền là 237.900 đồng (tại Biên bản số 30/BB-UBND ngày 18/10/2005 của UBND huyện P), ông T chưa đồng ý nhận tiền.

Ngày 08/12/2006, Ban Đền bù giải tỏa UBND huyện P ra Thông báo số 338/TB-ĐBGT về việc chi trả tiền bồi thường thiệt hại về đất đai, hoa màu, vật kiến trúc và trợ cấp để giải tỏa giải phóng mặt bằng khu vực quy hoạch chi tiết xây

dựng khu tái định cư 202 ha tại thị trấn A, xã D, huyện P đối với ông T. Ông T không đến nhận tiền bồi thường.

Ngày 09/7/2007, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 1221/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị M (giai đoạn 1) tại xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/500.

Ngày 05/9/2008, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P phối hợp với UBND xã D tổ chức trao quyết định thu hồi đất cho 70 hộ dân thuộc khu vực quy hoạch chi tiết xây dựng khu tái định cư 202 ha và khu mở rộng 57.9 ha tại thị trấn A và xã D, huyện P (có Biên bản tổ chức giao quyết định và danh sách kèm theo), có 34 hộ tham dự và nhận quyết định còn lại 36 hộ không đến nhận quyết định, trong đó có ông Bùi Thanh T.

Ngày 09/9/2009, UBND thị trấn A lập biên bản niêm yết, công khai 36 quyết định thu hồi đất của UBND huyện P, trong đó có Quyết định 2540.

Ngày 21/5/2010, UBND huyện P ban hành Quyết định số 1060/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu tái định cư 202 ha tại ấp S, xã D, huyện P, hộ ông T cũng không được xem xét hỗ trợ về đất theo Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh K.

Ngày 22/12/2011, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 2770/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch.

Ngày 28/11/2014, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 2505/QĐ-UBND về việc chấp thuận đầu tư dự án khu dân cư và khu biệt thự cao cấp quy mô 54,6 ha. Hiện diện tích đất hộ ông T nằm trong dự án 54,6 ha.

Ngày 29/3/2021, Ban Q có Biên bản số 31/BB-BQLKKTPQ về việc tạm bàn giao đất đã bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với dự án khu dân cư Đ của Công ty Cổ phần H (gọi tắt là Công ty H) tại xã D và phường A, thành phố P.

Ngày 28/3/2024, UBND phường A có tiếp nhận đơn trình báo của ông Nguyễn Xuân T4 (ông T4 cho rằng Công ty H đã có hành vi bao chiếm đất và hủy hoại tài sản trên diện tích đất 10.089.66m^2 của ông), trong đó có diện tích 3.362,7m^2 đất nằm trong diện tích 8.412,22m^2 của ông T. Kết quả kiểm tra hồ sơ, ngày 05/4/2024, UBND phường A có Thông báo số 34/TB-UBND xác định tại phần vị trí đất theo đơn trình báo của ông T4 không có cơ sở xem xét; ông T4 không có liên quan đến diện tích 10.089,66m^2. Hiện trạng tại vị trí, diện tích đất 8.412,22m^2 đã được Công ty H san lắp mặt bằng.

Theo kết quả từ việc lập phương án, cho thấy quá trình sử dụng đất diện tích8.412,22m^2 của ông T thuộc trường hợp không đủ điều kiện bồi thường theo Điều 43 Luật Đất đai 2003, Điều 7 Nghị định 197/2004. Mặt khác, Quyết định 2540 ban hành từ năm 2006, UBND đã có niêm yết ngày 09/9/2009 do đó thời hiệu khởi kiện đã hết. Đề nghị Tòa án căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Công ty TNHH H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày tại Văn bản số 23/2024/CV-HUDKGSL ngày 7/4/2024:

Ngày 28/9/2009, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2396/QĐ-UBND về việc cho phép đầu tư dự án Khu dân cư Đ.

Ngày 15/10/2021, UBND tỉnh K ra Thông báo số 831/TB-VP về việc việc kết luận của Thường trực UBND Tỉnh về việc Công ty H chuyển đổi pháp nhân thực hiện dự án Khu dân cư V tại xã D và phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 25/01/2022, Ban Q ban hành Quyết định số 20/QĐ-BQLKKTPQ về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư và đô thị S, tại xã D và phường A, thành phố P, quy mô điều chỉnh 895.661,73m^2.

Ngày 23/6/2022, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 1559/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án khu dân cư và đô thị mới S.

Ngày 07/7/2022, Ban Q ban hành Quyết định số 118/QĐ-BQLKKTPQ về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án khu dân cư V.

Ngày 29/3/2021, Ban Q có Biên bản số 31/BB-BQLKKTPQ về việc tạm bàn giao đất đã bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với Dự án khu dân cư và đô thị mới S tại xã D và phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang để chống lấn chiếm, tái chiếm.

Về đơn khởi kiện của ông T đối với phần diện tích 8.412,22m^2 hiện nay nhà đầu tư chưa được giao đất, cho thuê đất theo quy định mà chỉ mới được Ban Q tạm giao để quản lý chống lấn chiếm, tái chiếm (Biên bản số 31/BB-BQLKKTPQ, ngày 29/3/2021).

Công ty H đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh T đối với Quyết định 2540.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 101/2024/HC-ST ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh T.

- Hủy Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) P về việc thu hồi đất đối với ông Bùi Thanh T;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi đất diện tích đất 8.412,22m^2 tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Bùi Thanh T sử dụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/6/2024, Ủy ban nhân dân thành phố P kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, N1 bị kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện, hủy quyết định hành chính của N1 bị kiện là có căn cứ pháp luật. Người bị kiện kháng cáo, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới có thể làm thay đổi bản chất vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn Kháng cáo của người bị kiện là UBND thành phố P làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Người bị kiện, thấy rằng:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện, UBND thành phố P cho rằng đã thực hiện việc niêm yết Quyết định 2540 (về thu hồi đất của ông Bùi Thanh T) cho ông Bùi Thanh T vào năm 2009 tại UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật Đất đai năm 2003, thì quyết định thu hồi đất phải *"công bố công khai"* chứ không phải niêm yết. Như vậy, UBND thành phố P chưa thực hiện việc tống đạt hợp lệ Quyết định 2540 cho ông T. Ngày 31/12/2022, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh K - Chi nhánh thành phố P mời ông T đến làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, khi đó ông T mới biết phần diện tích đất 8.412,22m^2 tọa lạc tại khu phố G, phường A, thành phố P đã có quyết định thu hồi (Quyết định 2540) từ năm 2006. Do đó, xác định thời điểm ông T biết được quyết định hành chính (về thu hồi đất) là **ngày 31/12/2022**. Tính đến ngày ông T khởi kiện UBND thành phố P **(ngày 27/6/2023)** thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của ông T đối với Quyết định 2540 là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Về nội dung: Ông T yêu cầu UBND thành phố P thực hiện thủ tục thu hồi đất đối với diện tích đất nêu trên vì theo ông T, diện tích đất này do ông khai khẩn từ năm 1991. Còn theo UBND thành phố P, thì phần đất ông T kê khai có nguồn gốc *"đất tự khai phá năm 1996, không giấy thuộc đất rừng phòng hộ"*, không thuộc trường hợp được bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

[3] Xét thấy:

[3.1] Về thủ tục thu hồi đất: UBND thành phố P thu hồi đất để phát triển kinh tế, nhưng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố theo quy định tại khoản 1 Điều 29 và khoản 1 Điều 39 của Luật Đất đai năm 2003; thực hiện thủ tục thu hồi (về thời gian thông báo việc thu hồi, thời gian và kế hoạch di chuyển, phương án tổng thể về bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư) không đúng quy định tại các Điều 39, 40 của Luật Đất đai năm 2003; thủ tục tống đạt các văn

bản liên quan đến việc thu hồi đất không đúng quy định của pháp luật; vị trí đất bị thu hồi có sự nhầm lẫn, cụ thể: Theo Quyết định 2540 thì đất bị thu hồi tọa lạc tại ấp S, xã D, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh Kiên Giang, nhưng thực tế vị trí đất của ông T là tại khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, thủ tục thu hồi đất của N1 bị kiện là không đúng quy định về quản lý Nhà nước về đất đai.

[3.2] Về nguồn gốc đất: UBND xác định ông T sử dụng đất từ năm 1996 là trước thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q (nay là Vườn Quốc gia P), nhưng không thực hiện thủ tục thu hồi đất của ông T trước khi giao quyền sử dụng đất cho Vườn Quốc gia P là không đúng quy định của pháp luật về đất đai. Ông T sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 nên đủ điều kiện được bồi thường về đất, hỗ trợ khi thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật Đất đai năm 2013. UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc thu hồi diện tích đất nêu trên của ông T, nhưng chỉ hỗ trợ công đào mương cho ông T với số tiền 237.900 đồng là không đúng quy định được viện dẫn trên.

[3.3] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện, hủy Quyết định 2540 về việc thu hồi diện tích đất 8.412,22m^2 của ông Bùi Thanh T; buộc UBND thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật khi thu hồi đất của ông T là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của Người bị kiện đối với Bản án sơ thẩm là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[3.5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3.6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của Người bị kiện không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên Người bị kiện phải chịu án phúc phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 101/2024/HC-ST ngày 11-6-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng: Điều 29, Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 77 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh T.

Hủy Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc thu hồi đất đối với ông Bùi Thanh T.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ xem xét việc thu hồi đất của ông Bùi Thanh T theo quy định của pháp luật phù hợp với phần nhận định của bản án liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0006358 ngày 19/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân thành phố P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP; HSVA; NTK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Tuấn